



KPMG'S CO. /

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu
Đường thủy Petrolimex**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



CÔNG TY CỔ Digitally signed
PHẦN VẬN by CÔNG TY CỔ
TẢI XĂNG PHẦN VẬN TẢI
DẦU ĐƯỜNG XĂNG DẦU
THỦY ĐƯỜNG THỦY
PETROLIMEX PETROLIMEX
Date: 2024.08.29
21:01:51 +07'00'

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thông tin về Công ty

Quyết định số 151/1999/QĐ-TTG ngày 9 tháng 7 năm 1999

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex ("Công ty") được chuyển từ doanh nghiệp nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu trực thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTG ngày 9 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0301825283 ngày 30 tháng 9 năm 1999

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301825283 đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301825283 ngày 14 tháng 5 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Hưng	Thành viên
Bà Đặng Thị Xuân Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên
Ông Đàm Trọng Nghĩa	Thành viên
Ông Phan Anh Đức	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Nam	Thành viên (từ ngày 23/4/2024)

Ban Giám đốc

Bà Đặng Thị Xuân Hương	Tổng Giám đốc (đến ngày 1/8/2024)
Ông Đàm Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc phụ trách (từ ngày 1/8/2024)

Ban Kiểm soát

Ông Hoàng Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Trần Văn Trọng	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Phạm Ngọc Sinh	Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký
Tầng 7, Tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ
Phường 22, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

M.S.D.N
11/21

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Thị Hiền

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

(Theo Giấy ủy quyền số 102/PJT-UQ-HĐQT ngày 1 tháng 8 năm 2024)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính riêng đó trong báo cáo kiểm toán ngày 29 tháng 2 năm 2024 và báo cáo soát xét ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-02-00232-24-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội,

29-08-2024

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 2594-2024-007-1

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		147.930.652.280	97.063.561.010
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	70.889.342.336	30.490.165.356
Tiền	111		20.889.342.336	10.490.165.356
Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	20.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.664.673.388	17.615.825.144
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	33.941.452.714	15.784.376.808
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		399.088.760	834.608.225
Phải thu ngắn hạn khác	136		324.131.914	996.840.111
Hàng tồn kho	140	10	41.876.548.643	44.759.367.470
Hàng tồn kho	141		41.876.548.643	44.759.367.470
Tài sản ngắn hạn khác	150		500.087.913	4.198.203.040
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		200.684.360	1.989.356.491
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		299.403.553	2.119.309.538
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14	-	89.537.011
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250)	200		295.443.475.026	326.496.349.491
Các khoản phải thu dài hạn	210		30.650.000	30.650.000
Phải thu dài hạn khác	216		30.650.000	30.650.000
Tài sản cố định	220		285.085.023.026	316.137.897.491
Tài sản cố định hữu hình	221	11	285.085.023.026	316.137.897.491
<i>Nguyên giá</i>	222		779.086.226.360	788.584.016.360
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(494.001.203.334)	(472.446.118.869)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	10.327.802.000	10.327.802.000
Đầu tư vào công ty con	251		10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		327.802.000	327.802.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		443.374.127.306	423.559.910.501

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		121.343.838.932	126.549.042.659
Nợ ngắn hạn	310		73.806.895.932	79.012.099.659
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	36.115.405.377	25.414.089.970
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	5.056.093.826	372.684.418
Phải trả người lao động	314		11.750.401.126	11.860.230.013
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		156.810.093	527.540.099
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	3.359.927.837	4.117.808.641
Vay ngắn hạn	320	16(a)	15.140.000.000	34.772.850.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	2.228.257.673	1.946.896.518
Nợ dài hạn	330		47.536.943.000	47.536.943.000
Vay dài hạn	338	16(b)	47.536.943.000	47.536.943.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		322.030.288.374	297.010.867.842
Vốn chủ sở hữu	410	18	322.030.288.374	297.010.867.842
Vốn cổ phần	411	19	230.407.170.000	230.407.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230.407.170.000	230.407.170.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		225.423.555	225.423.555
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	46.954.342.672	46.354.342.672
Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) chưa phân phối	421		44.443.352.147	20.023.931.615
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		19.166.233.350	3.107.339.467
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		25.277.118.797	16.916.592.148
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		443.374.127.306	423.559.910.501

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Trần Minh Vũ
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Nguyễn Huy Hào
 Phụ trách Kế toán



 Nguyễn Thị Hiền
 Phó Tổng Giám đốc phụ trách
 (Theo Giấy ủy quyền số 102/PJT-UQ-HĐQT
 ngày 1 tháng 8 năm 2024)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	22	339.755.182.334	363.084.294.422
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11		296.743.820.022	317.990.977.638
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		43.011.362.312	45.093.316.784
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.114.742.573	2.159.078.197
Chi phí tài chính	22	24	2.883.846.766	6.344.454.696
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.878.585.546	6.224.615.873
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	15.358.116.224	13.405.971.958
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		26.884.141.895	27.501.968.327
Thu nhập khác	31	26	9.523.310.965	1.318.644.452
Chi phí khác	32	27	2.968.304.611	2.458.865.801
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.555.006.354	(1.140.221.349)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		33.439.148.249	26.361.746.978
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	6.636.188.562	5.113.709.753
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	-	18.188.988
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		26.802.959.687	21.229.848.237

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Trần Minh Vũ
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Nguyễn Huy Hòa
 Phụ trách Kế toán



 Nguyễn Thị Hiền
 Phó Tổng Giám đốc phụ trách
 (Theo Giấy ủy quyền số 102/PJT-UQ-HĐQT
 ngày 1 tháng 8 năm 2024)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	33.439.148.249	26.361.746.978
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	31.052.874.465	33.280.159.272
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(12.543.109)	42.389.809
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(10.100.146.785)	(2.062.730.277)
Chi phí lãi vay	06	2.878.585.546	6.224.615.873
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	57.257.918.366	63.846.181.655
Biến động các khoản phải thu	09	(15.061.949.870)	(14.720.040.230)
Biến động hàng tồn kho	10	2.882.818.827	17.756.779.609
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	9.607.389.490	5.599.010.136
Biến động chi phí trả trước	12	1.788.672.131	1.776.069.209
		56.474.848.944	74.258.000.379
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.986.918.680)	(6.354.807.578)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.956.447.495)	(3.047.830.634)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.502.178.000)	(1.801.093.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	50.029.304.769	63.054.269.167
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	8.076.082.080	-
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	27	1.946.609.327	484.204.143
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.022.691.407	484.204.143

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thứ ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu trực thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vítaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTG ngày 9 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty, các hoạt động được cấp phép của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường thủy;
- Dịch vụ sửa chữa, nâng cấp phương tiện vận tải thủy, súc rửa tàu; kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ cho ngành; kinh doanh sửa chữa giàn khoan và các thiết bị dầu khí;
- Kinh doanh mua bán các sản phẩm dầu khí;
- Xây dựng, lắp đặt sửa chữa các công trình công nghiệp, dân dụng, công trình thủy, kho xăng dầu; kinh doanh xăng dầu cho các tàu biển, tàu sông;
- Đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, lái dắt tàu biển; đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, tàu đánh cá; dịch vụ kho bãi, cầu cảng, bến neo đậu tàu; và
- Sửa chữa thiết bị, phương tiện đánh bắt thủy sản; đại lý mua bán sản phẩm xăng dầu cho tàu, thuyền nước ngoài. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh); san lấp mặt bằng; dịch vụ súc rửa vệ sinh tàu dầu, thu gom xử lý cặn dầu, dầu lẫn nước (không xử lý tại thành phố Hồ Chí Minh); ứng cứu tàu tràn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 290 nhân viên (1/1/2024: 292 nhân viên).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- phương tiện vận tải 6 – 12 năm
- thiết bị, dụng cụ quản lý 3 – 5 năm

(g) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

3100
C
RÁCH
F
1/20

11/11/2024

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(l) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(o) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

12 /
TY
HỮU
G
13 /
14 /
15 /
16 /
17 /
18 /
19 /
20 /
21 /
22 /
23 /
24 /
25 /
26 /
27 /
28 /
29 /
30 /
31 /
32 /
33 /
34 /
35 /
36 /
37 /
38 /
39 /
40 /
41 /
42 /
43 /
44 /
45 /
46 /
47 /
48 /
49 /
50 /
51 /
52 /
53 /
54 /
55 /
56 /
57 /
58 /
59 /
60 /
61 /
62 /
63 /
64 /
65 /
66 /
67 /
68 /
69 /
70 /
71 /
72 /
73 /
74 /
75 /
76 /
77 /
78 /
79 /
80 /
81 /
82 /
83 /
84 /
85 /
86 /
87 /
88 /
89 /
90 /
91 /
92 /
93 /
94 /
95 /
96 /
97 /
98 /
99 /
100 /

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, không có thay đổi trọng yếu nào về các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	64.101.384	79.461.849
Tiền gửi ngân hàng	20.825.240.952	10.410.703.507
Các khoản tương đương tiền (*)	50.000.000.000	20.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	70.889.342.336	30.490.165.356

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất 2,9%/năm (1/1/2024: 3,2%/năm).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và các bên liên quan:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan		
<i>Công ty mẹ cao cấp nhất</i>		
▪ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	21.707.107.072	10.692.173.659
<i>Các công ty trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
▪ Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	984.349.827	597.284.628
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	937.628.739	-
▪ Công ty Xăng dầu Tiền Giang	253.541.337	239.382.598
▪ Công ty Xăng dầu Quảng Bình	-	741.907.442
	23.882.626.975	12.270.748.327
<i>Các bên khác</i>		
▪ Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	9.661.369.277	2.254.315.455
▪ Các khách hàng khác	397.456.462	1.259.313.026
	10.058.825.739	3.513.628.481
	33.941.452.714	15.784.376.808

Khoản phải thu từ bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có điều khoản thanh toán từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

10. Hàng tồn kho

	30/6/2024 VND	Giá gốc 1/1/2024 VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	62.225.700
Nguyên vật liệu	41.876.548.643	44.697.141.770
	41.876.548.643	44.759.367.470

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	788.140.419.422	443.596.938	788.584.016.360
Thanh lý	(9.497.790.000)	-	(9.497.790.000)
Số dư cuối kỳ	778.642.629.422	443.596.938	779.086.226.360
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	472.002.521.931	443.596.938	472.446.118.869
Khấu hao trong kỳ	31.052.874.465	-	31.052.874.465
Thanh lý	(9.497.790.000)	-	(9.497.790.000)
Số dư cuối kỳ	493.557.606.396	443.596.938	494.001.203.334
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	316.137.897.491	-	316.137.897.491
Số dư cuối kỳ	285.085.023.026	-	285.085.023.026

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản với nguyên giá 170.116 triệu VND (1/1/2024: 46.653 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 185.487 triệu VND (1/1/2024: 292.985 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16(b)).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Đầu tư tài chính dài hạn

		30/6/2024 và 1/1/2024				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:						
▪ Công ty con						
• Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex			100%	10.000.000.000	-	(*)
▪ Đơn vị khác						
• Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp	33.004		0,7%	327.802.000	-	(*)
				10.327.802.000	-	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

= B | N | O | I | O | T | E | / | 2 | 4 | / | 2 | 0 | 2 | 4

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan		
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	73.366.904	-
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	197.853.829	2.512.003.307
<i>Các công ty trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Công ty Xăng dầu Nghệ An	8.825.479.048	-
Công ty Xăng dầu Khu vực II - TNHH MTV	7.088.903.883	2.521.671.222
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	4.501.319.423	2.411.782.900
Công ty Xăng dầu B12 - Cảng dầu B12	3.821.247.925	-
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	296.132.277	61.433.988
Công ty Xăng dầu Khu vực V - TNHH MTV	192.843.090	-
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng - Chi nhánh tại Nha Trang	150.839.539	1.168.001.315
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn	144.395.130	419.637.134
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex	17.402.880	24.095.940
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	9.836.640	-
Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	6.334.124	21.323.274
	25.325.954.692	9.139.949.080
<i>Các bên khác</i>		
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Long Phú 68	3.187.548.958	3.204.809.800
Các nhà cung cấp khác	7.601.901.727	13.069.331.090
	10.789.450.685	16.274.140.890
	36.115.405.377	25.414.089.970

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán theo hợp đồng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	1/1/2024		Số phát sinh trong kỳ		30/6/2024	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	-	-	3.143.717.550	(3.143.717.550)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	20.676.048	(20.676.048)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	300.595.392	6.636.188.562	(1.956.447.495)	-	4.980.336.459
Thuế thu nhập cá nhân	-	72.089.026	529.166.095	(525.497.754)	-	75.757.367
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	89.537.011	-	154.526.400	(64.989.389)	-	-
Thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	89.537.011	372.684.418	10.487.274.655	(5.714.328.236)	-	5.056.093.826

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ trình bày như trên thể hiện số liệu sau khi đã đối trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong kỳ.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Cổ tức phải trả	1.201.963.353	1.234.475.658
Kinh phí công đoàn	1.183.533.594	1.714.135.890
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	13.073.427	15.977.581
Các khoản phải trả khác	961.357.463	1.153.219.512
	3.359.927.837	4.117.808.641

16. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16(b))	34.772.850.000	-	(19.632.850.000)	15.140.000.000
			(19.632.850.000)	15.140.000.000

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	VN D	7,8 – 8,3	2026	43.426.943.000	53.066.943.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định	VN D	7,375 – 8,4	2026	19.250.000.000	24.750.000.000
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển – Chi nhánh Sài Gòn	VN D	7,8	2024	-	4.492.850.000
				62.676.943.000	82.309.793.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(15.140.000.000)	(34.772.850.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				47.536.943.000	47.536.943.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 185.487 triệu VND (1/1/2024: 292.985 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.946.896.518	1.690.615.851
Trích lập trong kỳ	1.783.539.155	3.723.739.542
Sử dụng quỹ	(1.202.178.000)	(1.451.093.000)
Điều chuyển quỹ cho công ty con	(300.000.000)	(350.000.000)
Số dư cuối kỳ	2.228.257.673	3.613.262.393

==
17
CỔ
CƠ
TÀI
CHÍNH
PE
/HA
==

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	30/6/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	23.040.717	230.407.170.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	23.040.717	230.407.170.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	23.040.717	230.407.170.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Vốn cổ phần của Công ty chi tiết theo các cổ đông như sau:

	30/6/2024 và 1/1/2024	
	VND	%
Cổ đông		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	118.020.270.000	51,22%
Các cổ đông khác	112.386.900.000	48,78%
	230.407.170.000	100,00%

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	192.585,00	4.847.400.549	544,75	13.102.559

(b) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	2.268.115.920	2.174.356.800
Trong vòng hai đến năm năm	8.127.415.380	8.697.427.200
Sau năm năm	-	181.196.400
	10.395.531.300	11.052.980.400

22. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ vận tải biển cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Cổ tức được chia	1.565.445.690	1.487.017.307
Lãi tiền gửi	458.619.015	575.712.970
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	74.582.390	96.347.920
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	16.095.478	-
	2.114.742.573	2.159.078.197

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.878.585.546	6.224.615.873
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.708.851	77.449.014
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	3.552.369	42.389.809
	<u>2.883.846.766</u>	<u>6.344.454.696</u>

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.677.050.061	7.818.010.616
Chi phí khấu hao	520.534.092	543.000.756
Chi phí vật liệu quản lý	246.894.839	159.932.177
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.411.229.875	2.379.260.147
Chi phí khác	3.502.407.357	2.505.768.262
	<u>15.358.116.224</u>	<u>13.405.971.958</u>

26. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	8.076.082.080	-
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	1.113.249.218	1.235.585.671
Thu nhập khác	333.979.667	83.058.781
	<u>9.523.310.965</u>	<u>1.318.644.452</u>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Các khoản chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	267.447.209	127.419.277
Chi phí bảo hiểm bồi thường	2.440.836.024	2.300.480.584
Chi phí khác	260.021.378	30.965.940
	2.968.304.611	2.458.865.801

28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	160.129.583.325	181.899.662.855
Chi phí nhân viên	38.002.513.966	39.573.836.963
Chi phí khấu hao	31.052.874.465	33.280.159.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.938.528.346	73.212.815.433
Chi phí khác	3.978.436.144	3.430.475.073
	312.101.936.246	331.396.949.596

52
 IT
 HẢ
 XAI
 GT
 10L
 H-T

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	6.494.864.545	5.040.694.353
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	141.324.017	73.015.400
	<u>6.636.188.562</u>	<u>5.113.709.753</u>
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	18.188.988
Chi phí thuế thu nhập	<u>6.636.188.562</u>	<u>5.131.898.741</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	33.439.148.249	26.361.746.978
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.687.829.650	5.272.349.396
Chi phí không được khấu trừ thuế	120.124.033	83.937.406
Thu nhập không bị tính thuế	(313.089.138)	(297.403.461)
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	141.324.017	73.015.400
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>6.636.188.562</u>	<u>5.131.898.741</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ vận tải	263.031.645.749	259.652.620.257
Công ty mẹ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex		
Chia cổ tức bằng tiền	-	9.441.621.600
Công ty con Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex		
Mua dịch vụ	3.187.758.394	1.635.015.780
Điều chuyển Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho công ty con	300.000.000	350.000.000
Các công ty trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Công ty Xăng dầu Nghệ An		
Mua nguyên vật liệu	72.936.351.525	42.023.077.524
Công ty Xăng dầu Khu vực II - TNHH MTV		
Cung cấp dịch vụ vận tải	-	8.396.711.569
Mua nguyên vật liệu	34.877.000.415	64.162.709.849
Công ty Xăng dầu B12 - Cảng dầu B12		
Mua nguyên vật liệu	15.740.996.375	9.433.476.660
Công ty Bảo hiểm PJICO Gia Định		
Mua dịch vụ	10.581.649.447	6.675.317.811
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	1.040.672.880	1.293.133.543
Công ty Xăng dầu Bà Rịa – Vũng Tàu		
Mua nguyên vật liệu	8.826.136.165	20.556.081.293
Công ty Xăng dầu Phú Khánh		
Mua nguyên vật liệu	7.490.840.200	13.800.501.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex		
Cung cấp dịch vụ vận tải	7.729.645.064	3.852.097.425
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	7.510.179.195	2.245.113.698

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Hội đồng Quản trị		
Tiền lương, thù lao và thưởng và phúc lợi khác		
Ông Ngô Anh Dũng - Chủ tịch (*)	400.896.000	302.678.325
Ông Phan Anh Đức - Thành viên (*)	264.198.224	284.172.860
Ông Nguyễn Tuấn Hưng - Thành viên	57.061.800	64.573.000
Bà Đặng Thị Xuân Hương - Thành viên	43.200.000	43.200.000
Ông Nguyễn Duy Hải - Thành viên	43.200.000	43.200.000
Ông Đàm Trọng Nghĩa - Thành viên	43.200.000	43.200.000
Ông Đỗ Hữu Nam – Thành viên (từ ngày 23/4/2024)	16.320.000	-
Ông Đỗ Văn Long - Phụ trách HĐQT (đến ngày 21/4/2023)	-	165.159.404
Ban kiểm soát		
Tiền lương, thù lao và thưởng và phúc lợi khác		
Ông Hoàng Anh Tuấn – Trưởng ban	53.690.400	43.200.000
Ông Trần Văn Trọng – Thành viên	37.583.100	30.240.000
Ông Phạm Ngọc Sinh – Thành viên	37.583.100	30.240.000
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác		
Bà Đặng Thị Xuân Hương - Tổng Giám đốc (đến ngày 1/8/2024)	424.056.000	412.178.962
Ông Đàm Trọng Nghĩa – Phó Tổng Giám đốc	342.176.000	332.374.198
Ông Nguyễn Duy Hải – Phó Tổng Giám đốc	342.176.000	328.139.198
Ông Phạm Văn Toàn – Phó Tổng Giám đốc	330.520.000	312.554.086
Bà Nguyễn Thị Hiền – Phó Tổng Giám đốc phụ trách (từ ngày 1/8/2024)	321.344.000	314.064.726

(*) Thu nhập của các ông Ngô Anh Dũng và ông Phan Anh Đức gồm tiền thù lao, tiền lương, thưởng và các khoản phúc lợi. Thu nhập của các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát chỉ là tiền thù lao.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Trần Minh Vũ
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Huy Hào
Phụ trách Kế toán



Nguyễn Thị Hiền
Phó Tổng Giám đốc phụ trách
(Theo Giấy ủy quyền số 102/PJT-UQ-
HĐQT ngày 1 tháng 8 năm 2024)

142 / TY HUU G / I.P.

T. C. P. * MINH *

T. I. N. H. H. * QU. I. *